

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)**  
**ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**  
**TIẾP NHẬN HỒ SƠ HẠNH CHÍNH THUẾ**  
Ngày 29-03-2012 Loại: TK  
Số .....  
Người nhận: .....

0 \* S.G.C

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DNBH)	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DNBH)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DNBH)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DNBH)	9 - 20

# CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

### Giấy chứng nhận đầu tư

Số 64GP/KDBH cấp ngày 29 tháng 7 năm 2011

Giấy chứng nhận đầu tư do Bộ Tài chính cấp có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày cấp.

### Hội đồng Thành viên

Ông Võ Minh Tuấn

Chủ tịch  
(bổ nhiệm ngày 8 tháng 9 năm 2011)

Bà Nguyễn Hồng Vân

Thành viên  
(bổ nhiệm ngày 2 tháng 10 năm 2011)

Ông Christopher Teo Sze Teck

Thành viên  
(bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2011)

Ông Chang Wen Wei

Thành viên  
(bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2011)

### Ban Điều hành

Ông Christopher Teo Sze Teck

Tổng Giám đốc  
(bổ nhiệm ngày 8 tháng 9 năm 2011)

Ông Dương Quang Khánh

Phó Tổng Giám đốc  
(bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2011)

### Người đại diện theo pháp luật

Ông Christopher Teo Sze Teck

Tổng Giám đốc

### Trụ sở chính

Tầng 10, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

# CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 29 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 20. Các báo cáo tài chính này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 29 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành



Ông Christopher Teo Sze Teck  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 7 tháng 3 năm 2012





## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietinbank Aviva (“Công ty”) được Ban Điều hành phê duyệt ngày 7 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính này bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 29 tháng 7 năm 2011 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 20.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với các báo cáo tài chính**

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Điều hành đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty từ ngày 29 tháng 7 năm 2011 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Nguyễn Phi Lan  
Số chứng chỉ KTV: 0573/KTV  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký ủy quyền

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam  
Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HAN 779  
Ngày 7 tháng 3 năm 2012

Phan Hồ Giang  
Số chứng chỉ KTV: 0438/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

Mẫu số B 01 – DNBH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>834.574.449.956</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>822.367.236.235</b>
111	Tiền mặt		16.562.000
112	Tiền gửi tại ngân hàng		2.350.674.235
113	Các khoản tương đương tiền		820.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>8.675.333.333</b>
131	Phải thu khách hàng	<b>5</b>	8.675.333.333
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.531.880.388</b>
151	Tạm ứng	<b>6</b>	2.436.749.598
152	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.070.968.140
154	Cầm cố, ký quỹ ngắn hạn		24.162.650
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>		<b>16.975.050.164</b>
<b>210</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>3.995.630.164</b>
211	Tài sản cố định hữu hình	<b>7(a)</b>	1.423.684.100
212	Nguyên giá		1.681.036.806
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(257.352.706)
217	Tài sản cố định vô hình	<b>7(b)</b>	2.571.946.064
218	Nguyên giá		2.589.198.899
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.252.835)
<b>240</b>	<b>Tiền kỹ quỹ dài hạn</b>		<b>12.979.420.000</b>
241	Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	<b>8</b>	12.000.000.000
242	Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn		979.420.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>851.549.500.120</b>

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

Mẫu số B 01 – DNBH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>22.948.147.112</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>13.292.630.482</b>
313	Phải trả người bán	9	1.553.291.104
315	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	9.908.454.654
318	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	11	1.830.884.724
<b>330</b>	<b>Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm</b>	12	<b>7.175.800</b>
336	Dự phòng đảm bảo cân đối		7.175.800
<b>340</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>		<b>9.648.340.830</b>
341	Chi phí phải trả	13	9.648.340.830
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>828.601.353.008</b>
<b>410</b>	<b>Nguồn vốn, quỹ</b>		<b>828.601.353.008</b>
411	Nguồn vốn kinh doanh	14,15	800.000.000.000
416	Quỹ dự trữ bắt buộc	15	1.430.067.650
418	Lợi nhuận chưa phân phối	15	27.171.285.358
<b>430</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>851.549.500.120</b>



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng



Ông Dương Quang Khánh  
Phó Tổng Giám đốc



Ông Christopher Teo Sze Teck  
Tổng Giám đốc  
Ngày 7 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

Mẫu số B 01 – DNBH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ
		29.7.2011 đến 31.12.2011 VNĐ
01	Thu phí bảo hiểm gốc	143.516.000
04	Phí nhượng tái bảo hiểm	(2.390.000)
<b>14</b>	<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>141.126.000</b>
27	Chi phí bảo hiểm khác	(13.718.000)
<b>41</b>	<b>Tổng chi phí bảo hiểm</b>	<b>(13.718.000)</b>
<b>42</b>	<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>127.408.000</b>
43	Chi phí bán hàng	(4.113.065.349)
44	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(21.851.506.027)
<b>45</b>	<b>Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>(25.837.163.376)</b>
46	Doanh thu hoạt động tài chính	63.977.754.731
47	Chi phí tài chính	-
<b>51</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</b>	<b>63.977.754.731</b>
52	Thu nhập khác	2.272.725
53	Chi phí khác	(550.936)
<b>54</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.721.789</b>
<b>55</b>	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>38.142.313.144</b>
58	Dự phòng đảm bảo cân đối	(7.175.800)
<b>59</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>38.135.137.344</b>
60	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.533.784.336)
<b>61</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>28.601.353.008</b>



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng



Ông Dương Quang Khánh  
Phó Tổng Giám đốc




Ông Christopher Teo Sze Teck  
Tổng Giám đốc  
Ngày 7 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 29.7.2011 đến 31.12.2011 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	Tiền từ thu phí và hoa hồng	143.516.000
04	Thu từ các hoạt động khác	1.321.446.724
07	Tiền trả người bán, người cung cấp dịch vụ	(14.037.654.625)
08	Tiền trả cho nhân viên	(2.590.830.477)
09	Tiền trả cho ngân sách nhà nước	(944.715.223)
11	Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các nhà cung cấp	(2.656.245.636)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(18.764.483.237)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào đơn vị khác, đáo hạn của khoản tiền gửi có kỳ hạn	29.000.000.000
22	Thu lãi tiền gửi	55.291.953.268
24	Tiền đầu tư vào đơn vị khác, tiền gửi có kỳ hạn	(41.000.000.000)
25	Mua sắm tài sản cố định	(2.170.701.926)
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>41.121.251.342</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
32	Thu do các chủ sở hữu góp vốn	800.000.000.000
33	Thu lãi tiền gửi từ các tài khoản thanh toán	10.468.130
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>800.010.468.130</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>822.367.236.235</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>-</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>822.367.236.235</b>

  
Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

  
Ông Dương Quang Khánh  
Phó Tổng Giám đốc



  
Ông Christopher Teo Sze Teck  
Tổng Giám đốc  
Ngày 7 tháng 3 năm 2012



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietinbank Aviva (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 64 GP/KDBH ngày 29 tháng 7 năm 2011 do Bộ Tài Chính cấp với thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Công ty là một công ty TNHH hai thành viên trở lên và là liên doanh giữa Aviva International Holdings Limited, một công ty được thành lập tại Anh và Aviva Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”), một ngân hàng được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam.

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tử kỳ và các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người, tái bảo hiểm nhân thọ, đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, bất động sản phù hợp với Luật Bảo hiểm và các quy định áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam.

Lễ khai trương chính thức của Công ty được tổ chức ngày 18 tháng 10 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 42 nhân viên.

**2 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Niên độ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 29 tháng 7 năm 2011 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (“VNĐ”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Các khoản đầu tư và thu nhập từ hoạt động đầu tư**

Các khoản đầu tư dưới hình thức tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn hạn và dài hạn được thể hiện theo giá gốc.

Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng được ghi nhận là thu nhập từ hoạt động đầu tư theo phương pháp tỷ lệ thời gian, sử dụng lãi suất thực tế của từng giai đoạn.

**2.7 Phí bảo hiểm**

Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ thì phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào ngày rỗi ro bảo hiểm được chấp nhận, bao gồm phí bảo hiểm gốc phải thu.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Thiết bị văn phòng	14%
Máy tính và các thiết bị CNTT	33%
Trang thiết bị, nội thất	14%
Phần mềm	33%

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.9 Dự phòng nghiệp vụ**

- Dự phòng toán học được xác định một cách riêng rẽ cho từng sản phẩm và được tính dựa trên các giả định và các phương pháp thận trọng của chuyên gia tính phí của công ty, đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (dự phòng bồi thường chưa giải quyết) tại ngày cuối kỳ.
- Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm là 1% từ lợi nhuận trước thuế, cho đến khi bằng 5% của phí thu được trong năm tài chính đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**2.10 Quỹ dự trữ bắt buộc**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập ở mức 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi số dư dự trữ đạt 10% vốn điều lệ của Công ty theo Nghị định số 46/2007/ND-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 do Chính phủ ban hành.

**2.11 Chi phí hoa hồng**

Chi phí hoa hồng là các khoản thanh toán cho các đại lý bảo hiểm. Chi phí được tính trên cơ sở tổng phí bảo hiểm và dựa trên cơ sở trích trước.

**2.12 Chi bồi thường bảo hiểm**

Chi bồi thường bảo hiểm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.13 Chi phí trước hoạt động và chi phí trước thành lập**

Chi phí thành lập và chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi được đồng ý của các bên liên doanh

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng bồi hoàn pháp lý được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**2.16 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

*Các yếu tố rủi ro tài chính*

Các hoạt động của Công ty có thể khiến cho Công ty chịu một số rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(a) Rủi ro thị trường**

*(i) Rủi ro tiền tệ*

Hoạt động kinh doanh của Công ty không phải chịu rủi ro lớn từ tỷ giá ngoại tệ do phần lớn các tài sản và công nợ tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đều có gốc là Việt Nam Đồng ("VNĐ").

*(ii) Rủi ro giá*

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro về giá của hàng hóa.

*(iii) Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro về lãi suất đối với các khoản tiền gửi tại ngân hàng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam của Công ty có lãi suất không cố định. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nếu lãi suất tiền gửi Việt Nam đồng giảm 1%, với điều kiện các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm đi VNĐ8.361.888.889 do thu nhập từ lãi tiền gửi giảm.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Công ty thực hiện chính sách yêu cầu các khách hàng trả trước tiền phí bảo hiểm. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Số tiền trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

**Dưới 1 năm  
VNĐ**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Phải trả người bán và phải trả khác

13.032.516.658

Công ty không có các công cụ tài chính phái sinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

**31.12.2011  
VNĐ**

Tiền mặt

16.562.000

Tiền gửi ngân hàng

2.350.674.235

Các khoản tương đương tiền

820.000.000.000

822.367.236.235

**5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

**31.12.2011  
VNĐ**

Bên liên quan (Thuyết minh 21(b))

8.675.333.333

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản phải thu khách hàng là khoản lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại các bên liên quan.

**6 TẠM ỨNG**

**31.12.2011  
VNĐ**

Ứng trước cho nhà cung cấp

649.194.000

Tạm ứng cho nhân viên

109.017.550

Tạm ứng cho các bên liên quan (Thuyết minh 21(b))

1.678.538.048

2.436.749.598

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Thiết bị văn phòng VNĐ	Thiết bị CNTT VNĐ	Trang thiết bị, nội thất VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011	-	-	-	-
Mua mới trong kỳ	215.632.648	1.355.549.686	109.854.472	1.681.036.806
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	215.632.648	1.355.549.686	109.854.472	1.681.036.806
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	16.373.636	232.728.632	8.250.438	257.352.706
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	16.373.636	232.728.632	8.250.438	257.352.706
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	199.259.012	1.122.821.054	101.604.034	1.423.684.100

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm VNĐ
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011	-
Mua mới trong kỳ	2.589.198.899
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	2.589.198.899
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011	-
Khấu hao trong kỳ	17.252.835
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	17.252.835
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	2.571.946.064

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**8 KÝ QUỸ BẢO HIỂM BẮT BUỘC**

Theo Nghị định số 46/2007/ND-CP, Công ty phải đảm bảo có khoản tiền gửi tại ngân hàng tương đương 2% vốn pháp định tối thiểu là VNĐ 600.000.000.000 được quy định đối với các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ trong Nghị định này.

**9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**31.12.2011  
VNĐ**

Bên liên quan (Thuyết minh 21(b))	10.680.000
Bên thứ ba	1.542.611.104
	<u>1.553.291.104</u>

**10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**31.12.2011  
VNĐ**

Thuế giá trị gia tăng	227.275
Thuế thu nhập cá nhân	374.443.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.533.784.336
	<u>9.908.454.654</u>

**11 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

**31.12.2011  
VNĐ**

Bên liên quan (Thuyết minh 21(b))	1,669.762.724
Bên thứ ba	161.122.000
	<u>1.830.884.724</u>

**12 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM**

**31.12.2011  
VNĐ**

**Dự phòng đảm bảo cân đối**

Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7.175.800
	<u>7.175.800</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>7.175.800</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

**31.12.2011  
VNĐ**

Chi phí CNTT (Thuyết minh 21(b))	4.172.765.346
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	208.580.440
Chi phí nhân viên	1.916.919.228
Mua tài sản cố định – các bên liên quan (Thuyết minh 21(a))	304.339.000
Mua tài sản cố định - bên thứ ba	312.300.029
Cải tạo văn phòng	813.759.274
Chi phí thuế	710.570.014
Các chi phí khác	1.209.107.499
	<u>9.648.340.830</u>

**14 VỐN ĐIỀU LỆ**

Theo Giấy phép Đầu tư số 64 GP/KDBH cấp ngày 29 tháng 7 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 800.000.000.000 Đồng, đã góp đủ:

	Vốn đã góp	
	VNĐ	%
Vietinbank	400.000.000.000	50
Aviva International Holdings Limited	320.000.000.000	40
Aviva Ltd	80.000.000.000	10
	<u>800.000.000.000</u>	<u>100</u>

**15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn thực góp VNĐ	Dự trữ bắt buộc VNĐ	Lợi nhuận lũy kế VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 29.7.2011	800.000.000.000	-	-	800.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	28.601.353.008	28.601.353.008
Dự trữ bắt buộc	-	1.430.067.650	(1.430.067.650)	-
Tại ngày 31.12.2011	<u>800.000.000.000</u>	<u>1.430.067.650</u>	<u>27.171.285.358</u>	<u>828.601.353.008</u>

**16 CHI PHÍ BẢO HIỂM KHÁC**

**Giai đoạn từ  
ngày 29.7.2011 đến  
ngày 31.12.2011  
VNĐ**

Chi phí hoa hồng	10.680.000
Chi phí kiểm tra y tế	3.038.000
	<u>13.718.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**17 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

**Giai đoạn từ  
ngày 29.7.2011 đến  
ngày 31.12.2011  
VNĐ**

Chi phí nhân viên	1.290.320.505
Chi phí khấu hao	13.186.948
Chi phí đào tạo đại lý	195.657.300
Chi phí marketing quảng cáo	2.128.745.640
Chi phí công tác	143.457.990
Chi phí duy trì mạng lưới	161.556.500
Chi phí khác	180.140.466
	<hr/>
	4.113.065.349
	<hr/> <hr/>

**18 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

**Giai đoạn từ  
ngày 29.7.2011 đến  
ngày 31.12.2011  
VNĐ**

Chi phí nhân viên	4.822.062.650
Khấu hao	261.418.593
Thuê văn phòng	3.209.930.820
Chi phí thành lập	4.411.129.807
Chi phí cải tạo văn phòng	2.902.271.374
Chi phí CNTT	4.731.222.131
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	550.538.457
Chi phí công tác	203.560.546
Chi phí khác	759.371.649
	<hr/>
	21.851.506.027
	<hr/> <hr/>

**19 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

**Giai đoạn từ  
ngày 29.7.2011 đến  
ngày 31.12.2011  
VNĐ**

Lãi tiền gửi (Thuyết minh 21(a))	63.977.754.731
	<hr/> <hr/>

Lãi tiền gửi trong kỳ bao gồm 14.429.102.244 đồng là lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản phong tỏa đồng sở hữu do các bên liên doanh cùng đứng tên mở trong giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2011 đến ngày 29 tháng 7 năm 2011 (ngày thành lập) phù hợp với Thỏa thuận về việc mở tài khoản phong tỏa đồng sở hữu được ký giữa các bên liên doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**20 THUẾ**

Theo quy định hiện hành, Công ty phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% thu nhập chịu thuế.

**Giai đoạn từ  
ngày 29.7.2011 đến  
ngày 31.12.2011  
VNĐ**

Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.135.137.344
Thuế tính ở thuế suất 25%	<u>9.533.784.336</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**21 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu được thực hiện với các bên liên quan trong kỳ như sau:

***i) Thu nhập từ lãi tiền gửi***

**Giai đoạn từ  
ngày 29.7.2011 đến  
ngày 31.12.2011  
VNĐ**

Vietinbank	<u>63.977.754.731</u>
------------	-----------------------

***ii) Mua hàng hóa dịch vụ***

**Giai đoạn từ  
ngày 29.7.2011 đến  
ngày 31.12.2011  
VNĐ**

Aviva Ltd Chi phí CNTT	<u>4.172.765.346</u>
---------------------------	----------------------

***iii) Chi hoa hồng***

**Giai đoạn từ  
ngày 29.7.2011 đến  
ngày 31.12.2011  
VNĐ**

Vietinbank	<u>10.680.000</u>
------------	-------------------



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**21 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)***iv) Giao dịch chi hộ của các bên liên doanh cho Công ty*

Giai đoạn từ  
ngày 29.7.2011 đến  
ngày 31.12.2011  
VNĐ

**Vietinbank**

Chi phí tư vấn	3.751.000.000
Thuê văn phòng	2.074.086.000
Chi phí cải tạo văn phòng	2.032.114.000
Đặt cọc thuê văn phòng	483.210.000
Mua tài sản cố định	1.376.697.806
Khác	129.196.100

**Aviva Ltd**

Mua tài sản cố định	304.339.000
Đặt cọc thuê văn phòng	483.210.000
Chi phí nhân viên	605.974.768
Giao dịch khác	610.556.530

---



---

11.850.384.204

*iv) Các khoản chi cho Ban Điều hành*

Giai đoạn từ  
ngày 29.7.2011 đến  
ngày 31.12.2011  
VNĐ

Lương và các quyền lợi gộp khác	1.262.580.000
---------------------------------	---------------

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư cuối năm với các bên liên quan như sau:

**31.12.2011  
VNĐ**

**Tiền gửi tại ngân hàng (Thuyết minh 4)**

Vietinbank	822.350.674.235
------------	-----------------

**Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc (Thuyết minh 8)**

Vietinbank	12.000.000.000
------------	----------------

**Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)**

Lãi tiền gửi phải thu từ Vietinbank	8.675.333.333
-------------------------------------	---------------

**Tạm ứng (Thuyết minh 6)**

Tạm ứng chi phí nhân viên cho Aviva Ltd	1.673.538.048
---	---------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2011 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**21 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

**31.12.2011  
VNĐ**

**Phải trả người bán (Thuyết minh 9)**  
Hoa hồng phải trả Vietinbank

10.680.000

**Chi phí phải trả  
Aviva Ltd**

Chi phí CNTT (Thuyết minh 13)

4.172.765.346

Chi phí nhân viên

605.974.768

Mua tài sản cố định (Thuyết minh 13)

304.339.000

Chi phí khác

610.556.530

5.693.635.644

**Phải trả khác (Thuyết minh 11)**

Vốn góp vượt quá mức quy định phải trả  
Aviva International Holding Ltd

1.186.552.724

Đặt cọc thuê văn phòng do Aviva Ltd trả hộ

483.210.000

1.669.762.724

**22 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

**31.12.2011  
VNĐ**

Trong vòng 1 năm

4.257.909.696

Từ 1 đến 5 năm

4.612.735.504

8.870.645.200

Báo cáo tài chính đã được Ban Điều hành duyệt ngày 7 tháng 3 năm 2012.

  
\_\_\_\_\_  
Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

   
\_\_\_\_\_  
Ông Dương Quang Khánh Ông Christopher Teo Sze Teck  
Phó Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc